

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố bổ sung, sửa đổi và bãi bỏ thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính

1. Công bố bổ sung các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục I của Quyết định này.
2. Công bố sửa đổi các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục II của Quyết định này.
3. Công bố bãi bỏ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục III của Quyết định này.
4. Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được bổ sung, sửa đổi, thay thế tại Phụ lục IV của Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật các thủ tục hành chính được công bố bổ sung, sửa đổi và thay thế vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia về thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. .

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như khoản 2 Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công an Bộ GTVT; ✓
- Các Cảng vụ Hàng không;
- Các doanh nghiệp hàng không;
- Lưu: VT, PC (03).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Lê Đình Thọ

www.LuatVietnam.vn



PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC TTHC CÔNG BỐ BỔ SUNG

(Kèm theo Quyết định số 3564/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên TTHC*	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Giao đất	Hàng không	Cảng vụ HK	
2.	Cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	Hàng không	Cảng vụ HK	
3.	Sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
4.	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng	Hàng không	Bộ GTVT	
5.	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay quá 24 giờ trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không	Hàng không	Bộ GTVT	
6.	Cấp biển số của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ HK	



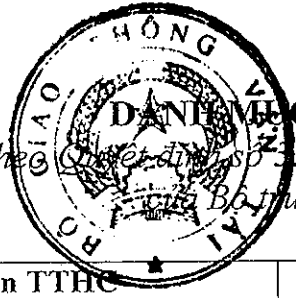
PHỤ LỤC II

DANH MỤC CÁC TTHC CÔNG BỐ SỬA ĐỔI
(Kèm theo Quyết định số 3564/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Gia hạn cho thuê đất	Hàng không	Cảng vụ HK	
2.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
3.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
4.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
5.	Cấp lại giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
6.	Sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
7.	Sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
8.	Chấp thuận việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
9.	Chấp thuận đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác	Hàng không	Cục HKVN	
10.	Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
11.	Cấp giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay	Hàng không	Cục HKVN	
12.	Cấp lại giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay	Hàng không	Cục HKVN	
13.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam	Hàng không	Cục HKVN	
14.	Cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
15.	Cấp lại giấy phép nhân viên điều	Hàng không	Cục HKVN	

	khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay			
16.	Cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không	Hàng không	Cục HKVN	
17.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	

www.LuatVietnam.vn



PHỤ LỤC III

LIÊN LỤC CÁC TTHC CÔNG BỐ BÃI BỎ
(Kèm theo Quyết định số 564/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1.	Phê duyệt văn bản hiệp đồng quản lý, khai thác sân bay dùng chung dân dụng và quân sự	Hàng không	Cục HKVN	
2.	Phê duyệt phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay	Hàng không	Cục HKVN	
3.	Chấp thuận ngừng khai thác kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
4.	Phê duyệt kế hoạch khẩn nguy sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
5.	Chấp thuận người khai thác cảng hàng không, sân bay chỉ định người cung cấp dịch vụ hàng không cho hãng hàng không vì lý do an toàn hàng không, an ninh hàng không	Hàng không	Cục HKVN	
6.	Đăng ký chất lượng, giá sản phẩm, dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ HK	
7.	Chấp thuận việc thế chấp, bảo lãnh tài sản gắn liền với đất thuê tại cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	
8.	Xác nhận giờ hạ, cất cánh tại cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN	



Phụ lục IV

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 35/4/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG

1. Giao đất

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức có nhu cầu sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị giao đất trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết TTHC:

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản lý do từ chối việc giao đất cho tổ chức đề nghị hoặc ban hành quyết định giao đất theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT; tổ chức bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT.

1.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị giao đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

- Bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng không
- d) Cơ quan phối hợp: Không

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định giao đất.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị giao đất.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm....

ĐƠN¹....

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền²

1. Tổ chức, cá nhân xin giao đất/thuê đất³
2. Địa chỉ/trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên hệ:
4. Địa điểm khu đất:
5. Diện tích (m²):
6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
7. Thời hạn sử dụng:
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....
9. Hồ sơ gửi kèm:⁵

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

¹ Ghi rõ đơn đề nghị giao đất hoặc đề nghị thuê đất.

² Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất.

³ Ghi rõ họ, tên tổ chức/cá nhân đề nghị giao đất, cho thuê đất kèm thông tin về cá nhân đối với trường hợp là cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); thông tin về tổ chức đối với trường hợp là tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).

⁴ Ghi rõ mục đích sử dụng đất theo văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

⁵ Ghi rõ thành phần hồ sơ gửi kèm theo yêu cầu của Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

2. Cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng không gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định đơn giá thuê đất hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thuê đất lý do từ chối việc cho thuê đất.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đơn giá thuê đất của cơ quan thuế, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định cho thuê đất theo Mẫu số 03 quy định, tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT; tiến hành bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT; ký hợp đồng thuê đất theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cảng vụ hàng không hoặc qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cho thuê đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT;

- Bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng không gửi thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định đơn giá

thuê đất hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thuê đất lý do từ chối việc cho thuê đất.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đơn giá thuê đất của cơ quan thuế, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định cho thuê đất; tiến hành bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao; ký hợp đồng thuê đất.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng không
- d) Cơ quan phối hợp: Không

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định cho thuê đất.

2.8. Phí, lệ phí: Không

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cho thuê đất.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm....

ĐƠN¹....

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền ²

1. Tổ chức, cá nhân xin giao đất/thuê đất³
2. Địa chỉ/trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên hệ:
4. Địa điểm khu đất:
5. Diện tích (m²):
6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
7. Thời hạn sử dụng:
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....
9. Hồ sơ gửi kèm:⁵

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

¹ Ghi rõ đơn đề nghị giao đất hoặc đề nghị thuê đất.

² Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất.

³ Ghi rõ họ, tên tổ chức/cá nhân đề nghị giao đất, cho thuê đất kèm thông tin về cá nhân đối với trường hợp là cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); thông tin về tổ chức đối với trường hợp là tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).

⁴ Ghi rõ mục đích sử dụng đất theo văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

⁵ Ghi rõ thành phần hồ sơ gửi kèm theo yêu cầu của Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

3. Sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định việc sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; cấp mới giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đã cấp hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối sửa đổi.

3.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT;

- Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

3.8. Phí, lệ phí:

- Phí:

+ Đối với cảng hàng không quốc tế: 40.000.000 đồng/lần cấp

+ Đối với cảng hàng không khác: 30.000.000 đồng/lần cấp

+ Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 5.000.000 đồng/lần cấp

3.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay phải cập nhật thông tin về những thay đổi của cảng hàng không, sân bay và đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay khi có sự thay đổi về:

a) Tên, địa chỉ của chủ sở hữu hoặc người khai thác cảng hàng không, sân bay;

b) Tên cảng hàng không, sân bay;

c) Vị trí, tọa độ điểm quy chiếu cảng hàng không, sân bay;

d) Cấp sân bay;

đ) Mục đích khai thác;

e) Năng lực khai thác.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày... tháng... năm.....

V/v đề nghị cấp

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay...) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

¹ Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

4. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

4.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng cửa tạm thời cảng hàng không, sân bay.
- Quyết định phê duyệt dự án cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng của cơ quan có thẩm quyền.
- Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cục Hàng không Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải.

d) Cơ quan phối hợp: Không có

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay

4.8. Phí, lệ phí: Không có

4.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không có

4.4. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không có

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

5. Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo ngay Cục Hàng không Việt Nam về việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, sự cố, tai nạn hàng không và các tình huống bất thường khác uy hiếp đến an toàn hàng không, an ninh hàng không với thời gian đóng quá 24 giờ.

b) Giải quyết TTHC:

- Ngay khi nhận được báo cáo của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay;

- Trong thời gian 24 giờ khi nhận được tờ trình của Cục Hàng không Việt Nam, Bộ trưởng Giao thông vận tải quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

5.2. Cách thức thực hiện: Hình thức phù hợp

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Báo cáo bao gồm các thông tin: tên cảng hàng không, sân bay; lý do đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay; thời gian đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

- Tờ trình đề nghị đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

5.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 24 giờ khi nhận được tờ trình.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Giao thông vận tải

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay – Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định việc đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay.

5.8. Phí, lệ phí: Không

5.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

www.LuatVietnam.vn

6. Cấp biển số của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp biển số của phương tiện chuyên ngành hoạt động tại cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ hàng không cấp biển số cho phương tiện hoặc có văn bản thông báo lý do từ chối cấp biển số cho phương tiện.

6.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp biển số, trong đó nêu rõ nhu cầu sử dụng phương tiện; năm sản xuất, số seri của phương tiện; phương tiện đã qua sử dụng hoặc chưa qua sử dụng;
- Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

6.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng không

d) Cơ quan phối hợp: Không

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Biển số cho phương tiện.

6.8. Phí, lệ phí: Không

6.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

www.LuatVietnam.vn

II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

1. Gia hạn cho thuê đất

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi hết thời hạn thuê đất tối thiểu là 06 tháng, tổ chức, cá nhân sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

b) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng không gửi thông tin địa chính đến cơ quan, thuế để xác định đơn giá thuê đất hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thuê đất lý do từ chối việc gia hạn thuê đất.
- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đơn giá thuê đất của cơ quan thuế, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định gia hạn cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất với tổ chức, cá nhân sử dụng đất.

1.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn thời gian thuê đất;
- Bản gốc quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất; chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật;
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà có thay đổi thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc gia hạn thời hạn của dự án đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng không gửi thông tin địa chính đến cơ quan, thuế để xác định

đơn giá thuê đất hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thuê đất lý do từ chối việc gia hạn thuê đất.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo đơn giá thuê đất của cơ quan thuế, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định gia hạn cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất với tổ chức, cá nhân sử dụng đất.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng không
- d) Cơ quan phối hợp: Không

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định gia hạn cho thuê đất.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Trước khi hết thời hạn thuê đất tối thiểu là 06 tháng, tổ chức, cá nhân sử dụng đất gửi hồ sơ về Cảng vụ hàng không.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau:

- Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;
- Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác;
- Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

2.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2017/TT-BGTVT;
- Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; bản sao có chứng thực chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;
- Bản sao quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay;

- Bản sao tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có):

Phí:

- Đối với cảng hàng không quốc tế: 70.000.000đ

- Đối với cảng hàng không khác: 40.000.000đ

- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 15.000.000đ

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Thông tư 17/2017/TT-BGTVT

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

www.LuatVietnam.vn

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày... tháng... năm....

V/v đề nghị cấp

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công tyđề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay....) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị²: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

² Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

3. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

3.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Người được cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét quyết định cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

3.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

3.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

3.8. Phí, lệ phí: 5.000.000 đồng/lần

3.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

www.LuatVietnam.vn

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày.... tháng.... năm....

V/v đề nghị cấp

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay....) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị³: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

³ Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

4. Cấp Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

4.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức được giao quản lý, khai thác khu bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay, bao gồm các nội dung sau:

+ Các yếu tố bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, tiêu chuẩn dịch vụ;

+ Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của sân bay theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định của ICAO;

+ Danh mục không đáp ứng (nếu có);

+ Kiểm chứng các điều kiện thực tế của sân bay đối với tài liệu khai thác.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

4.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT;

- Tài liệu khai thác sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

4.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

4.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

4.8. Phí, lệ phí:

- Đối với cảng hàng không quốc tế: 110.000.000đ
- Đối với cảng hàng không khác: 40.000.000đ
- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 15.000.000đ

4.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

TÊN DOANH NGHIỆP

Mẫu số 09
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày... tháng... năm....

V/v đề nghị cấp

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công tyđề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay...) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị⁴: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

⁴ Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

5. Cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại. Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định cấp lại giấy chứng nhận hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại cho người đề nghị.

5.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

5.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn đề nghị theo quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

5.8. Phí, lệ phí: 5.000.000 đồng/lần

5.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay bị mất, rách, hỏng được đề nghị cấp lại.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

www.LuatVietnam.vn

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

V/v đề nghị cấp

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công tyđề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay...) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị⁵: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

⁵ Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

6. Sửa đổi Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

6.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, kiểm tra đối chứng thực tế, phê duyệt sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

6.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT;

- Tài liệu chứng minh về các thay đổi được đề nghị sửa đổi.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

6.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Phê duyệt sửa đổi giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

6.8. Phí, lệ phí:

- Đối với cảng hàng không quốc tế: 70.000.000 đồng/lần

- Đối với cảng hàng không khác: 30.000.000 đồng/lần
- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 5.000.000 đồng/lần

6.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị sửa đổi nội dung giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay được sửa đổi trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi, chuyển đổi người khai thác cảng hàng không, sân bay;
- Thay đổi mục đích, năng lực khai thác của cảng hàng không, sân bay, cấp sân bay.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

<p>BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</p> <p>Số: /GCNKT-CHK</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p>	
<p align="center">GIẤY CHỨNG NHẬN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY</p> <p align="center">Cấp lần đầu:</p> <p align="center">Cấp lần thứ hai:</p>		
<p>TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	<p>TỌA ĐỘ</p> <p>Vĩ độ Kinh độ</p>	
<p>TÊN, ĐỊA CHỈ NGƯỜI KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY:</p> <p>.....</p>		
<p>MỤC ĐÍCH KHAI THÁC:</p> <p>.....</p>		
<p>NĂNG LỰC KHAI THÁC:</p> <p>.....</p>		
<p>CẤP SÂN BAY:.....</p>		
<p>DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG ĐƯỢC CUNG CẤP:</p> <p>.....</p>		
<p>GHI CHÚ:</p> <p>.....</p>		
<p>Ngày, tháng, năm cấp:</p> <p>...../...../.....</p> <p>Ngày, tháng, năm hết hiệu lực:</p> <p>...../...../.....</p>	<p align="center">CỤC TRƯỞNG</p>	

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay....) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

¹ Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.
- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

7. Sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay

7.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay khi có các thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay, trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, kiểm tra đối chứng thực tế, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

7.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;
- Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;
- Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay
- Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay.

7.8. Phí, lệ phí: Không

7.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay khi có các thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

www.LuatVietnam.vn

8. Chấp thuận việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay

8.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận và triển khai cho các cơ quan, đơn vị có liên quan đến an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, có nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị chấp thuận;

- Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công;

- Thỏa thuận phương án bảo đảm an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

8.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận

8.8. Phí, lệ phí: Không

8.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Chủ đầu tư dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến Cục Hàng không Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình;
- Bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị làm ngừng hoạt động của công trình, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không trên 24 giờ, trừ trường hợp đột xuất xuất uy hiếp trực tiếp đến an toàn, an ninh hàng không cần thực hiện ngay;
- Bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị được thực hiện trong thời gian không phục vụ chuyến bay theo kế hoạch bay liên tục từ 30 ngày trở lên.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

9. Chấp thuận đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác

9.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

9.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác bao gồm các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình; tuổi thọ công trình;

- Bản sao hồ sơ liên quan đến việc nghiệm thu đưa công trình vào khai thác theo quy định của pháp luật;

- Tài liệu khai thác công trình, cung cấp dịch vụ, bao gồm các nội dung sau: phương án khai thác, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không; sơ đồ mặt bằng hạ tầng cung cấp dịch vụ; quy trình bảo trì.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

9.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không.

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận

9.8. Phí, lệ phí: Không

9.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

www.LuatVietnam.vn

10. Đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

10.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời;
- Bản sao sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời;
- Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời;
- Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

10.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay
- Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Quyết định đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay.

10.8. Phí, lệ phí: Không

10.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

www.LuatVietnam.vn

11. Cấp giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay

11.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người quản lý, khai thác thiết bị gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thiết bị trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, quyết định cấp giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy phép cho người đề nghị.

11.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp giấy phép trong đó giải trình rõ các nội dung sau: loại thiết bị; mục đích sử dụng; phạm vi, khu vực lắp đặt, hoạt động, tiêu chuẩn áp dụng; nhân lực khai thác thiết bị;
- Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của thiết bị nhập khẩu;
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam;
- Tài liệu hướng dẫn khai thác của sản xuất;
- Biên bản hoàn thành các thủ tục lắp đặt, kiểm tra, kiểm định hệ thống;
- Các hồ sơ, tài liệu khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng loại thiết bị (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

11.4. Thời hạn giải quyết: 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý hoạt động bay - Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay

11.8. Phí, lệ phí:

Phí:

- Thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay: 2.000.000 đồng/lần
- Thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay:
 - + Đối với cảng hàng không quốc tế: 7.000.000 đồng/lần
 - + Đối với cảng hàng không khác: 6.000.000 đồng/lần

11.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng, bao gồm cả tiêu chuẩn của ICAO.
- Thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép khai thác.
- Người quản lý, khai thác thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay ban hành và thực hiện các quy trình khai thác, bảo trì phù hợp với tài liệu khai thác, bảo trì của nhà sản xuất; có phương án, thiết bị dự phòng thay thế để đảm bảo không gián đoạn việc cung cấp dịch vụ hàng không; tổ chức huấn luyện, cập nhật cho nhân viên điều khiển, vận hành về tài liệu kỹ thuật, quy trình khai thác, bảo trì, quy định về bảo đảm an toàn khai thác tại khu bay.
- Việc đầu tư, khai thác các thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay, điều kiện của kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, phạm vi cung cấp dịch vụ của người khai thác thiết bị, phương tiện, mục đích sử dụng.
- Niên hạn sử dụng của các phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay tuân thủ theo tiêu chuẩn áp dụng.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

www.LuatVietnam.vn

12. Cấp lại giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay

12.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người quản lý, khai thác thiết bị gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy phép trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định cấp lại giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

12.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

12.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị theo quy định.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay

12.8. Phí, lệ phí: 2.000.000 đồng/lần

12.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Giấy phép khai thác thiết bị bị mất, hỏng được đề nghị cấp lại.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

www.LuatVietnam.vn

13. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam.

13.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Người đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện các công việc kiểm tra, thử nghiệm cần thiết, quyết định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận cho người đề nghị.

13.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không, trong đó mô tả sản phẩm và các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;
- Bản sao tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng;
- Bản sao các tài liệu liên quan: thiết kế kỹ thuật và chi tiết; vật liệu; phương pháp và quy trình sản xuất; hướng dẫn lắp đặt, khai thác, bảo dưỡng; lắp ráp của sản phẩm; chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật chính;
- Bản sao biên bản nghiệm thu bàn giao hoặc nghiệm thu hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng;
- Bản sao biên bản kiểm tra, thử nghiệm, đánh giá sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng do cơ sở có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thực hiện;
- Báo cáo kết quả khai thác thử theo các chỉ tiêu, thông số, giới hạn, tính năng kỹ thuật của sản phẩm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

13.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Khoa học công nghệ và môi trường
- Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận

13.8. Phí, lệ phí:

- Thiết bị đồng bộ: 30.000.000 đồng/lần
- Thiết bị lẻ, vật tư khác: 5.000.000 đồng/lần

13.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

14. Cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

14.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra, quyết định cấp giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy phép cho người đề nghị.

14.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép của tổ chức quản lý nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không, kèm theo danh sách nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không;

- Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định;

- 02 ảnh màu kích thước 3 x 4 cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

14.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

14.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

14.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

14.8. Phí, lệ phí: 600.000 đồng/lần

14.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

14.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

www.LuatVietnam.vn

15. Cấp lại giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

15.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 30 ngày (đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực) và 05 ngày làm việc (đối với trường hợp giấy phép bị mất, hỏng), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra (đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực), quyết định cấp giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy phép cho người đề nghị.

15.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép của tổ chức quản lý nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không, kèm theo danh sách nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không;

- Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành thiết bị, phương tiện phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định;

- 02 ảnh màu kích thước 3 x 4 cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 30 ngày (đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực) và 05 ngày làm việc (đối với trường hợp giấy phép bị mất, hỏng) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

15.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.
- d) Cơ quan phối hợp: Không

15.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC:

Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

15.8. Phí, lệ phí:

Phí:

- Đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 400.000 đồng/lần

15.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay được đề nghị cấp lại trong các trường hợp hết thời hạn hiệu lực của giấy phép, giấy phép bị mất, hỏng.

15.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

16. Cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

16.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức đề nghị cấp bổ sung năng định giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, quyết định cấp bổ sung năng định hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

16.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp bổ sung năng định của tổ chức quản lý nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không, kèm theo danh sách nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không;

- Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành thiết bị, phương tiện phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định;

- 02 ảnh màu kích thước 3 x 4 cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

16.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay
- Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

16.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Năng định nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

16.8. Phí, lệ phí: 30.000 đồng/năng định

16.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

16.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;
- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.
- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

www.LuatVietnam.vn

17. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay

17.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau:

+ Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;

+ Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác;

+ Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

17.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2017/TT-BGTVT;

- Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; bản sao có chứng thực chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;

- Bản sao quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

17.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

17.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

17.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

17.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.

17.8. Phí, lệ phí: Không

17.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Thông tư 17/2017/TT-BGTVT

17.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày... tháng... năm....

V/v đề nghị cấp

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công tyđề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay....) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị⁶: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

⁶ Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.